BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC LÂM NGHIỆP VIỆT NAM

Số: 313/QĐ-KHLN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

GIÁM ĐỐC VIỆN KHOA HỌC LÂM NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/1/2014 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 25/11/2011 của Thủ tướng chính phủ về tổ chức và hoạt động của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường);

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-BNN-TCCB ngày 18/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về quy định Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1656/QĐ-BNN-TCCB ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định Điều lệ tổ chức, hoạt động của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BKHCN ngày 12/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định tổ chức quản lý các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia;Căn cứ Thông tư số 04/2023/TT-BKHCN ngày 15/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ việc việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN ngày 26/6/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN ngày 12/10/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27/12/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nha nước;

Căn cứ Thông tư 43/2025/TT-BNNMT ngày 16/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Trưởng ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam".

Điều 2. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 451/QĐ-KHLN ngày 31/10/2024 Ban hành Quy chế Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam và có hiệu lực kể từ ngày 01/9/2025.

Điều 3. Trưởng các ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế; Tài chính, Kế toán; Tổ chức, Hành chính; Thủ trưởng và chủ nhiệm các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại các đơn vị trực thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Vụ KH&CN (b/c);
- Cục LN&KL (b/c);
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC LÂM NGHIỆP VIỆT NAM

Võ Đại Hải

QUY CHẾ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA VIỆN KHOA HỌC LÂM NGHIỆP VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 313/QĐ-KHLN ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Giám đốc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Quy chế) được ban hành để thống nhất quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là Viện).

2. Quy chế này quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là nhiệm vụ) sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác thuộc trách nhiệm quản lý của Viện.

Điều 2. Các loại hình hoạt động khoa học và công nghệ

1. Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ: là kế hoạch nghiên cứu dài hạn giúp phát triển khoa học và công nghệ của Viện và các đơn vị trực thuộc, đạt được những kết quả phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

2. Kế hoạch khoa học và công nghệ 05 năm và hằng năm: là kế hoạch nghiên cứu trong một giai đoạn nhất định của chiến lược phát triển khoa học và công nghệ.

3. Nhiệm vụ khoa học công nghệ (KHCN) sử dụng ngân sách nhà nước cấp quốc gia bao gồm: Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia; Đề án khoa học cấp quốc gia; Đề tài khoa học và công nghệ cấp quốc gia; Dự án khoa học và công nghệ cấp quốc gia; Dự án sản xuất thử nghiệm cấp quốc gia; Đề tài khoa học và công nghệ, dự án khoa học và công nghệ theo nghị định thư; Đề án khoa học, đề tài khoa học và công nghệ, dự án khoa học và công nghệ đặc biệt; Đề tài khoa học và công nghệ, dự án khoa học và công nghệ tiềm năng cấp quốc gia; Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết yêu cầu khẩn cấp của quốc gia về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ.

4. Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ bao gồm: Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ; Dự án khoa học và công nghệ cấp Bộ; Đề án khoa học và công nghệ cấp Bộ; Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ; Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ; Đề tài khoa học và công nghệ tiềm năng cấp Bộ.

5. Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở bao gồm: Đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở; Dự án khoa học và công nghệ cấp cơ sở; Nhiệm vụ xây dựng mô hình trình diễn cấp cơ sở.

6. Các nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh, thành phố (cấp tỉnh) bao gồm: Chương trình khoa học và công nghệ cấp Tỉnh; Dự án khoa học và công nghệ cấp Tỉnh; Đề tài khoa học và công nghệ cấp Tỉnh; Đề án khoa học cấp Tỉnh; Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Tỉnh; Đề tài khoa học và công nghệ tiềm năng cấp tỉnh.

Chương II

QUẢN LÝ CHIẾN LƯỢC, KẾ HOẠCH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 3. Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ

Viện chủ trì xây dựng, quản lý việc thực hiện chiến lược phát triển KHCN của toàn Viện.

Điều 4. Kế hoạch khoa học và công nghệ

1. Viện chủ trì xây dựng, quản lý kế hoạch KHCN 5 năm và hằng năm.

2. Thời gian đề xuất kế hoạch KHCN

Các đơn vị trực thuộc Viện xây dựng kế hoạch KHCN và nộp về Viện (qua Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế) theo thông báo của Viện.

3. Hồ sơ đề xuất kế hoạch KHCN

- Công văn đề nghị của đơn vị.

- Bảng tổng hợp danh mục nhiệm vụ.

- Phiếu đề xuất nhiệm vụ.

Chương III

QUẢN LÝ CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 5. Phân cấp quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nhiệm vụ cấp quốc gia và nhiệm vụ do các Bộ, ngành khác (không phải Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quản lý

Nhiệm vụ do Viện chủ trì, được quản lý như nhiệm vụ cấp Bộ.

Nhiệm vụ do các đơn vị thuộc Viện chủ trì, được quản lý theo phân cấp như sau:

a) Trách nhiệm của Viện:

- Tổ chức hội nghị chuyên gia rà soát danh mục nhiệm vụ, tư vấn hoàn thiện đề xuất nghiên cứu và trình Bộ chủ quản.

- Tư vấn xây dựng thuyết minh các nhiệm vụ.

- Kiểm tra tiến độ thực hiện hằng năm của các nhiệm vụ.

- Tham dự hội đồng nghiệm thu tổng kết cấp cơ sở.

- Phối hợp, tham gia kiểm tra, nghiệm thu cơ sở (nếu có).

b) Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Viện:

- Báo cáo Viện về chủ trương và các đề xuất nghiên cứu.

- Hồ sơ thuyết minh trước khi tham gia tuyển chọn, xét chọn các đơn vị phải gửi về Viện để thông qua hội đồng tư vấn, góp ý.

- Ngay sau khi nhiệm vụ được phê duyệt, đơn vị gửi 01 bản thuyết minh,

thông báo kế hoạch và kinh phí được giao hằng năm về Viện (qua Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế) để theo dõi, quản lý.

- Điều chỉnh kế hoạch hoặc trình cơ quan quản lý cấp trên điều chỉnh kế hoạch.

- Tổ chức nghiệm thu sơ kết, tổng kết cấp cơ sở cho các nhiệm vụ. Khi tổ chức hội đồng, đơn vị mời Viện tham dự.

- Tổ chức triển khai, quản lý, kiểm tra, giám sát các nhiệm vụ đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng; báo cáo kết quả về Viện trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

- Sau 30 ngày nhiệm vụ được nghiệm thu tổng kết cấp cuối cùng, đơn vị gửi báo cáo tổng kết, toàn bộ sản phẩm khoa học dạng ấn phẩm và tóm tắt kết quả của nhiệm vụ (tối đa 01 trang A4) bằng tiếng Việt và tiếng Anh về Viện để phục vụ công tác quản lý và quảng bá.

2. Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ Nông nghiệp và Môi trường (cấp Bộ)

a) Trách nhiệm của Viện:

- Xem xét chủ trương, tư vấn hoàn thiện đề xuất nghiên cứu, thẩm định thuyết minh tổng thể, điều chỉnh kế hoạch cho các nhiệm vụ trong toàn Viện, trình cơ quan quản lý cấp trên phê duyệt.

- Viện là cơ quan chủ trì các nhiệm vụ KHCN cấp Bộ.

- Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kế hoạch hằng năm, sơ kết và nghiệm thu tổng kết các nhiệm vụ trong toàn Viện.

- Nghiệm thu các sản phẩm khoa học của nhiệm vụ theo từng năm kế hoạch.

b) Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Viện:

- Tổ chức quản lý, triển khai, kiểm tra, giám sát các nhiệm vụ đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng.

- Thẩm tra và lập hồ sơ điều chỉnh kế hoạch cho các nhiệm vụ, trình Viện xem xét, xử lý theo quy định.

3. Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở:

a) Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở sử dụng vốn ngân sách hoặc vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

- Trách nhiệm của Viện:

+ Xem xét phê duyệt danh mục nhiệm vụ.

+ Thẩm định, phê duyệt thuyết minh tổng thể các nhiệm vụ.

+ Thẩm định và phê duyệt kế hoạch điều chỉnh cho các nhiệm vụ.

+ Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kế hoạch hằng năm (đối với nhiệm vụ do Văn phòng Viện thực hiện); sơ kết và nghiệm thu tổng kết các nhiệm vụ trong toàn Viện.

- Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Viện:

+ Trình Viện danh mục đề xuất nhiệm vụ.

+ Trình Viện phê duyệt thuyết minh tổng thể, kế hoạch điều chỉnh cho các nhiệm vụ.

+ Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kế hoạch hằng năm.

b) Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở sử dụng nguồn vốn khác của đơn vị (vốn liên doanh, liên kết; vốn huy động, vốn góp, vốn từ quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng).

- Trách nhiệm của Viện:

+ Đối với các nhiệm vụ do Văn phòng Viện thực hiện, Viện quản lý như nhiệm vụ cấp Bộ.

+ Đối với các nhiệm vụ do các đơn vị thuộc Viện thực hiện, Viện Phê duyệt Danh mục nhiệm vụ cho đơn vị (Danh mục nhiệm vụ bao gồm: Tên nhiệm vụ, mục tiêu, thời gian thực hiện, dự kiến kết quả thực hiện, tổng kinh phí và nguồn vốn).

- Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Viện:

+ Đề xuất danh mục nhiệm vụ, phương án huy động vốn và phân phối kết quả khi kết thúc.

+ Sau khi có Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ, đơn vị chủ động thực hiện các nội dung sau:

Tổ chức hội đồng khoa học xét duyệt thuyết minh tổng thể, đơn vị thông báo hoặc gửi giấy mời về Viện (qua Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế) trước 5 ngày làm việc để theo dõi, bố trí người tham dự; Đơn vị phải mời các chuyên gia có chuyên môn sâu về lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ để tham gia hội đồng; phê duyệt thuyết minh tổng thể, điều chỉnh kế hoạch cho các nhiệm vụ.

Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kế hoạch hằng năm, sơ kết, tổng kết cho các nhiệm vụ.

Nộp 01 bộ hồ sơ (theo tiến độ công việc) về Viện (qua Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế) để theo dõi, bao gồm: Thuyết minh tổng thể, báo cáo sơ kết, báo cáo tổng kết, các sản phẩm khoa học dạng ấn phẩm của nhiệm vụ.

Chịu trách nhiệm về chất lượng khoa học và sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

4. Nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh:

a) Quy trình xây dựng, quản lý, thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh tuân theo hướng dẫn của Sở KHCN các tỉnh, thành phố.

b) Nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng tư cách pháp nhân của Viện để tham gia tuyển chọn, xét chọn, việc quản lý được thực hiện như quy định về quản lý nhiệm vụ cấp Bộ do Viện chủ trì.

c) Nhiệm vụ cấp tỉnh do các đơn vị thuộc Viện chủ trì: Thủ trưởng các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện. Đơn vị nộp 01 bộ hồ sơ (gồm thuyết minh tổng thể, báo cáo sơ kết, báo cáo tổng kết) theo tiến độ công việc về Viện (qua Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế) để theo dõi.

Điều 6. Xây dựng và phê duyệt danh mục các nhiệm vụ KHCN

1. Xuất phát từ nhu cầu của đơn vị (với đề xuất nhiệm vụ cấp cơ sở sử dụng vốn có nguồn gốc ngân sách hoặc vốn khác nhưng có sử dụng tài sản nhà nước tại

đơn vị để thực hiện) hoặc theo thông báo của Viện, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Viện có trách nhiệm tổ chức xây dựng đề xuất nhiệm vụ KHCN gửi về Viện (qua Ban Khoa học, Đào tạo và HTQT), Viện sẽ tổ chức hội nghị chuyên gia tư vấn, lựa chọn và xây dựng danh mục nhiệm vụ KHCN để gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, … và quyết định phê duyệt danh mục đối với nhiệm vụ cấp cơ sở sử dụng vốn có nguồn gốc ngân sách hoặc vốn khác nhưng có sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị để thực hiện.

a) Đề xuất gửi Bộ Khoa học và Công nghệ được thực hiện theo mẫu A1-ĐXNV ban hành theo Thông tư 06/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023;

b) Đề xuất gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Phiếu đề xuất đối với đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ, Đề tài khoa học và công nghệ cơ sở theo mẫu 02; đối với dự án SXTN theo mẫu 03; đối với đề án khoa học theo mẫu 04 ban hành kèm theo Thông tư số 43/2025/TT-BNNMT ngày 16/7/2025;

c) Đề xuất gửi các bộ, ngành khác và các tỉnh, thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của bộ, ngành và tỉnh cụ thể;

d) Đề xuất nhiệm vụ cấp cơ sở gửi Viện: Phiếu đề xuất đối với đề tài và nhiệm vụ xây dựng mô hình trình diễn tham khảo mẫu 02; đối với dự án sản xuất thử nghiệm theo mẫu 03 ban hành kèm theo Thông tư số 43/2025/TT-BNNMT ngày 16/7/2025.

2. Các nhiệm vụ hợp tác với địa phương, các tổ chức và cá nhân khác, đơn vị chủ động đề xuất tham gia theo thông báo của cấp quản lý nhiệm vụ và báo cáo Viện bằng văn bản các nhiệm vụ đã được phê duyệt và cấp kinh phí thực hiện.

Điều 7. Tuyển chọn, giao trực tiếp đơn vị, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KHCN

Trên cơ sở thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN của cơ quan chủ quản (gồm Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ KH&CN và các sở KH&CN do Viện làm đầu mối gửi đề xuất danh mục nhiệm vụ), Viện sẽ quyết định phân công hoặc giao cho các đơn vị, cá nhân có đủ năng lực để chuẩn bị hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp. Trong đó, ưu tiên các cá nhân, đơn vị đã đề xuất ý tưởng hoặc có nhiều kinh nghiệm. Các các trường hợp khác, các đơn vị trực thuộc Viện chủ động quyết định phân công hoặc giao cho các đơn vị, cá nhân thuộc đơn vị tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp.

Điều 8. Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì, thực hiện nhiệm vụ

Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì, thực hiện các nhiệm vụ thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý được áp dụng theo Điều 10 của Thông tư 43/2025/TT-BNNMT ngày 16/7/2025; Các nhiệm vụ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý được quy định tại Điều 4 của Thông tư 20/2023/TT-BKHCN ngày 12/10/2023; Các nhiệm vụ thuộc các bộ, ngành khác và các tỉnh, thực hiện theo quy định của bộ, ngành và tỉnh cụ thể. Một số điểm chính như sau:

1. Tổ chức đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ trì thực hiện nhiệm vụ phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Có tư cách pháp nhân, có hoạt động KHCN phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ;

b) Không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ:

a) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn thành việc đăng ký, giao nộp, lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN khác theo quy định hiện hành;

b) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa thực hiện báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN sử dụng ngân sách nhà nước ;

c) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia hoặc cấp Bộ hoặc cấp tỉnh khác do cá nhân chủ trì sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm thời gian được gia hạn (nếu có);

d) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ đã ký;

đ) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khác thì không được đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 01 năm kể từ khi có quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Có trình độ đại học trở lên;

b) Có chuyên môn phù hợp và đang hoạt động cùng lĩnh vực có liên quan đến nhiệm vụ KHCN trong 05 năm gần nhất đối với nhiệm vụ cấp quốc gia, 03 năm đối với nhiệm vụ cấp Bộ và 02 năm đối với nhiệm vụ cấp cơ sở tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

c) Có khả năng trực tiếp thực hiện hoặc tổ chức thực hiện và đảm bảo đủ thời gian để chủ trì nhiệm vụ KHCN đúng tiến độ và chất lượng;

d) Không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ:

a) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp đang làm chủ nhiệm 01 nhiệm vụ KHCN ở cấp tương ứng với nhiệm vụ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp (trừ nhiệm vụ cấp tỉnh và cơ sở);

b) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia hoặc cấp Bộ hoặc cấp tỉnh khác do cá nhân làm chủ nhiệm sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm thời gian được gia hạn (nếu có);

c) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ do mình làm chủ nhiệm trong thời gian 03 năm đối với cấp quốc gia, 02 năm đối cấp Bộ, 01 năm đối với cấp cơ sở kể từ khi có quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

d) Vi phạm một trong các hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 8 Luật Khoa học và Công nghệ hoặc đang trong thời gian bị xử lý kỷ luật bằng hình thức từ khiển trách trở lên hoặc thi hành án hình sự.

Điều 9. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp

1. Chuẩn bị hồ sơ:

a) Nhiệm vụ cấp quốc gia: Hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN ngày 12/10/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Nhiệm vụ cấp Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Thông tư 43/2025/TT-BNNMT ngày 16/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

c) Nhiệm vụ do bộ, ngành khác và các tỉnh quản lý thì thực hiện theo hướng dẫn của bộ, ngành và tỉnh cụ thể.

2. Nộp hồ sơ:

a) Nhiệm vụ do Viện chủ trì: Các đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ xây dựng hồ sơ, nộp 07 bản về Viện trước thời hạn nộp chính thức tối thiểu 10 ngày để tổ chức tư vấn; hoàn thiện hồ sơ và nộp tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp.

b) Nhiệm vụ do các đơn vị thuộc Viện chủ trì: Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm chỉ đạo chủ nhiệm nhiệm vụ hoàn thiện và nộp hồ sơ tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp.

Điều 10. Thẩm định thuyết minh và dự toán nhiệm vụ sau khi được tuyển chọn hoặc giao trực tiếp.

1. Đối với nhiệm vụ cấp quốc gia và cấp Bộ:

a) Nhiệm vụ do Viện chủ trì: Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định nội dung và kinh phí, đơn vị thực hiện và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm chỉnh sửa thuyết minh-dự toán, hồ sơ theo kết luận của Hội đồng, báo cáo giải trình chi tiết ý kiến của Tổ thẩm định theo Mẫu biểu B2-8-GTHĐ (về nội dung thuyết minh) và Mẫu biểu B3-3-GTTĐKP (về kinh phí) ban hành theo Thông tư 20/2023/TT-BKHCN ngày 12/10/2023 đối với nhiệm vụ cấp quốc gia, theo Mẫu 30 (về nội dung thuyết minh) và Mẫu 32 (về kinh phí) ban hành kèm theo Thông tư 43/2025/TT-BNNMT ngày 16/7/2025 đối với nhiệm vụ cấp Bộ, và nộp về Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế và Ban Tài chính, Kế toán để rà soát trước khi trình lãnh đạo Viện ký trình cơ quan chủ quản phê duyệt.

b) Nhiệm vụ do các đơn vị thuộc Viện chủ trì: Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm chỉ đạo chủ nhiệm nhiệm vụ chỉnh sửa thuyết minh tổng thể, hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ theo kết luận của Hội đồng và thẩm định thuyết minh-dự toán trước khi trình cơ quan chủ quản phê duyệt.

2. Đối với các nhiệm vụ cấp cơ sở:

a) Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ, Thủ trưởng đơn vị chỉ đạo chủ nhiệm nhiệm vụ xây dựng thuyết minh tổng thể, tổ chức họp góp ý ở đơn vị thực hiện. Trong vòng 5 ngày

sau khi họp góp ý tại đơn vị, chủ nhiệm nhiệm vụ hoàn thiện và nộp 02 bản thuyết minh tổng thể cùng biên bản góp ý của đơn vị về Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế để tổ chức thẩm định cấp Viện.

b) Trong vòng 10 ngày sau khi được thẩm định cấp Viện, chủ nhiệm nhiệm vụ, hoàn thiện thuyết minh, trình thủ trưởng đơn vị thực hiện ký và nộp 05 bản về Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế và Ban Tài chính, Kế toán kiểm tra, trình Giám đốc Viện phê duyệt.

3. Đối với các nhiệm vụ cấp tỉnh:

Thủ trưởng đơn vị chủ trì nhiệm vụ chỉ đạo chủ nhiệm nhiệm vụ hoàn thiện thuyết minh, hồ sơ theo kết luận của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh và trình Sở KHCN phê duyệt.

Điều 11. Chế độ báo cáo

1. Nhiệm vụ do Viện chủ trì, Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý: Chủ nhiệm nhiệm vụ nộp báo cáo định kỳ kết quả thực hiện về Viện trước ngày 15/3 và 15/9 theo mẫu quy định tương ứng của từng loại hình nhiệm vụ cấp quốc gia. Viện sẽ tổng hợp báo cáo định kỳ của các nhiệm vụ nộp cơ quan quản lý khoa học cấp trên.

2. Nhiệm vụ do Viện chủ trì, Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý và nhiệm vụ cấp cơ sở: Định kỳ 6 tháng một lần (trước ngày 30 tháng 5 và ngày 30 tháng 11 hằng năm), chủ nhiệm nhiệm vụ gửi báo cáo kết quả thực hiện theo Mẫu 34 ban hành kèm theo Thông tư 43/2025/TT-BNNMT ngày 16/7/2025 về Viện (qua Ban Khoa học, Đào tạo và HTQT) để tổng hợp, nộp Bộ.

3. Nhiệm vụ thuộc bộ, ngành khác và các tỉnh quản lý, thực hiện theo quy định và mẫu báo cáo của bộ, ngành và tỉnh cụ thể.

Điều 12. Kiểm tra và giám sát các nhiệm vụ do Viện chủ trì

1. Kiểm tra và giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ

a. Trách nhiệm của Viện: Hằng năm Viện chủ động thành lập đoàn kiểm tra độc lập hoặc kết hợp theo lịch kiểm tra của cơ quan chủ quản để kiểm tra tình hình thực hiện các nhiệm vụ.

Tài liệu kiểm tra: Chủ nhiệm nhiệm vụ chuẩn bị các tài liệu sau:

- Các báo cáo theo Mẫu A-1-BCĐK, Mẫu A-2-BCTĐ, Mẫu A-3-BCSDKP, Mẫu A-4-BCSPHT, Mẫu A-5-BCSPUD ban hành theo Thông tư 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 đối với nhiệm vụ cấp quốc gia; theo Mẫu 34; Mẫu 35, Mẫu 36, Mẫu 37 và Mẫu 38 ban hành kèm theo Thông tư 43/2025/TT-BNNMT ngày 16/7/2025 đối với nhiệm vụ cấp Bộ. Các báo cáo gửi về Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế, Ban Tài chính Kế toán trước ít nhất 5 ngày.

- Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng các thí nghiệm, mô hình tại hiện trường.

- Thuyết minh nhiệm vụ đã được phê duyệt.

- Tất cả các sản phẩm của nhiệm vụ tính từ đầu năm tới kỳ báo cáo. Các báo cáo sản phẩm chính phải được gửi tới Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế trước ít nhất 3 ngày.

- Những khó khăn, tồn tại và phương án giải quyết trong quá trình thực hiện.

b. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Viện:

Các đơn vị chủ động kiểm tra, giám sát các nhiệm vụ theo phân cấp và báo cáo kết quả gửi về Viện trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

2. Báo cáo sau nghiệm thu

a) Tính từ ngày nhiệm vụ KHCN sử dụng ngân sách nhà nước được nghiệm thu chính thức (nhiệm vụ cấp bộ và cấp quốc gia), định kỳ 12 tháng một lần và trong giai đoạn 5 năm liên tiếp, tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN có trách nhiệm báo cáo về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN (nhiệm vụ do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý, báo cáo theo mẫu 15 quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN, ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ và mẫu số 12 quy định tại Thông tư 11/2023/TT-BKHCN ngày 26/6/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ; nhiệm vụ do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý, báo cáo theo Mẫu 52 ban hành kèm theo Thông tư 43/2025/TT-BNNMT ngày 16/7/2025) và gửi về Viện (qua Ban KH, ĐT và HTQT) trước 31 tháng 12 hằng năm đối với nhiệm vụ do Bộ KH&CN quản lý, trước ngày 30 tháng 11 hằng năm đối với nhiệm vụ do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý. Nhiệm vụ do các bộ khác và cấp tỉnh quản lý, thực hiện theo quy định của từng bộ và tỉnh cụ thể.

b) Trách nhiệm của Viện: xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả ứng dụng các nhiệm vụ KHCN của toàn Viện gửi cơ quan chủ quản nhiệm vụ theo quy định.

c) Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Viện: báo cáo Viện kết quả ứng dụng các nhiệm vụ KHCN của đơn vị khi Viện có yêu cầu.

Điều 13. Điều chỉnh nhiệm vụ KHCN

1. Nhiệm vụ do Viện chủ trì: đơn vị thực hiện gửi văn bản đề nghị điều chỉnh nhiệm vụ về Viện (qua Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế) xem xét giải quyết theo phân cấp.

2. Nhiệm vụ do các đơn vị thuộc Viện chủ trì: đơn vị chủ động làm việc với cơ quan chủ quản để điều chỉnh theo quy định.

3. Các nội dung điều chỉnh bao gồm:

a) Điều chỉnh thời gian thực hiện

- Việc điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ KHCN chỉ được thực hiện 01 lần đối với mỗi nhiệm vụ. Thời gian điều chỉnh không quá 12 tháng đối với nhiệm vụ KHCN có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở lên và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện dưới 24 tháng. Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng quyết định đối với nhiệm vụ cấp Bộ và cấp Nhà nước; Giám đốc Viện quyết định đối với nhiệm vụ cấp cơ sở sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học; các nhiệm vụ do bộ, ngành và tỉnh khác quản lý, thực hiện theo quy định của bộ, ngành và tỉnh cụ thể).

- Việc điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ KHCN chỉ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng ít nhất 30 ngày;

- Đối với nhiệm vụ do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý, việc rút ngắn thời gian thực hiện chỉ được xem xét khi đã hoàn thành được ít nhất 2/3 nội dung của nhiệm vụ KHCN;

b) Điều chỉnh tên, mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ KHCN

- Đối với nhiệm vụ KHCN thực hiện theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng: Không được phép điều chỉnh;

- Đối với nhiệm vụ KHCN thực hiện theo phương thức khoán một phần: Cơ quan chủ trì trình Bộ chủ quản nhiệm vụ xem xét quyết định.

c) Điều chỉnh nội dung của nhiệm vụ KHCN

- Đối với nhiệm vụ KHCN thực hiện theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng: Thủ trưởng tổ chức chủ trì nhiệm vụ chủ động điều chỉnh nội dung của nhiệm vụ và tự chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh;

- Đối với nhiệm vụ KHCN thực hiện theo phương thức khoán một phần: Tổ chức chủ trì có văn bản báo cáo Bộ chủ quản nhiệm vụ. Bộ chủ quản nhiệm vụ xem xét việc điều chỉnh nội dung đối với từng trường hợp cụ thể không làm thay đổi mục tiêu, sản phẩm và tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN.

d) Điều chỉnh kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN

- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KHCN đề nghị điều chỉnh kinh phí thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp cần thiết;

- Việc điều chỉnh kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN được thực hiện theo quy định hiện hành.

đ) Điều chỉnh mua sắm nguyên, vật liệu, năng lượng, thiết bị, máy móc, dịch vụ:

- Đối với phần kinh phí được giao khoán, thủ trưởng tổ chức chủ trì nhiệm vụ được chủ động quyết định điều chỉnh kế hoạch mua sắm và dự toán về số lượng, khối lượng, chủng loại nguyên vật liệu, năng lượng, thiết bị, máy móc, dịch vụ mua bằng ngân sách nhà nước và không làm tăng tổng dự toán kinh phí chi cho mục nguyên vật liệu, năng lượng, thiết bị, máy móc, dịch vụ đã được giao khoán;

- Đối với phần kinh phí không được giao khoán, tổ chức chủ trì nhiệm vụ báo cáo bằng văn bản gửi Bộ chủ quản nhiệm vụ để xem xét điều chỉnh đối với từng trường hợp cụ thể.

e) Thay đổi Chủ nhiệm nhiệm vụ: Chủ nhiệm nhiệm vụ mới phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 4 Thông tư 20/2023/TT-BKHCN đối với nhiệm vụ cấp quốc gia; theo quy định tại khoản 3, Điều 10 Thông tư 43/2025/TT-BNNMT ngày 16/7/2025đối với nhiệm vụ cấp Bộ. Việc thay đổi Chủ nhiệm nhiệm vụ chỉ được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Chủ nhiệm nhiệm vụ đi học tập, công tác dài hạn trên 06 tháng liên tục;

- Chủ nhiệm nhiệm vụ bị ốm đau, bệnh tật không có khả năng điều hành hoạt động nghiên cứu của nhiệm vụ (có văn bản đề nghị của cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc xác nhận của cơ quan y tế);

- Chủ nhiệm nhiệm vụ tử vong; mất tích trên 06 tháng;

- Chủ nhiệm nhiệm vụ có văn bản đề nghị thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ vì lý do cá nhân không thể tiếp tục thực hiện công việc được giao; nghỉ việc hoặc chuyển công tác;

- Chủ nhiệm nhiệm vụ không hoàn thành tiến độ và nội dung nhiệm vụ theo đặt hàng mà không có lý do chính đáng, vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính theo kết luận của đoàn kiểm tra, thanh tra hoặc phải đình chỉ công tác.

g) Điều chỉnh thành viên chính, chuyên gia thực hiện nhiệm vụ KHCN trong các trường hợp sau:

- Đi học tập, công tác dài hạn trên 06 tháng liên tục; bị ốm đau, bệnh tật không có khả năng thực hiện hoạt động nghiên cứu của nhiệm vụ (có văn bản đề nghị của cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc xác nhận của cơ quan y tế); tử vong; mất tích trên 06 tháng;

- Có văn bản đề nghị thay đổi vì lý do cá nhân không thể tiếp tục thực hiện công việc được giao; nghỉ việc hoặc chuyển công tác;

- Không hoàn thành tiến độ và nội dung nhiệm vụ theo đặt hàng mà không có lý do chính đáng;

- Vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính theo kết luận của đoàn kiểm tra, thanh tra, Hội đồng đánh giá hoặc bị đình chỉ công tác;

- Đối với thành viên chính, chuyên gia mới phải đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực.

h) Điều chỉnh tổ chức phối hợp và thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ: Việc thay đổi tổ chức phối hợp và thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ KHCN phải có sự đồng thuận của tổ chức, chủ nhiệm và thành viên bổ sung và thay thế..

i) Điều chỉnh đoàn ra:

- Thủ trưởng tổ chức chủ trì nhiệm vụ được chủ động điều chỉnh nội dung, thời điểm và thời gian tổ chức đoàn ra phù hợp với thực tế, đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ;

- Trường hợp điều chỉnh nước đến, số lượng, thành phần người tham gia đoàn ra cần có ý kiến bằng văn bản của Bộ;

- Mọi trường hợp điều chỉnh đoàn ra không được tăng tổng kinh phí chi cho mục đoàn ra đã được phê duyệt.

k) Điều chỉnh dự toán kinh phí ngoài ngân sách nhà nước: Thủ trưởng tổ chức chủ trì được phép chủ động điều chỉnh các nội dung và kế hoạch chi nhưng không được giảm tổng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước đã được phê duyệt.

l) Thẩm quyền điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KHCN: Thủ trưởng tổ chức chủ trì nhiệm vụ chủ động quyết định điều chỉnh các nội dung nhiệm vụ KHCN thực hiện theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng; Điều chỉnh mua sắm nguyên, vật liệu, năng lượng, thiết bị, máy móc, dịch vụ đối với phần kinh phí được giao khoán; Điều chỉnh, bổ sung tổ chức phối hợp, thành viên chính, thành viên, chuyên gia tham gia thực hiện; Điều chỉnh nội dung, thời điểm và thời gian tổ chức đoàn ra phù hợp với thực tế, đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ; Điều chỉnh dự toán kinh phí ngoài ngân sách nhà nước. Các trường hợp khác trình cơ quan chủ quản nhiệm vụ quyết định.

m) Trình tự, thủ tục điều chỉnh nhiệm vụ KHCN thuộc thẩm quyền của cơ

quan chủ quản nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 15 Thông tư 43/2025/TT-BNNMT ngày 16/7/2025.

n) Trình tự, thủ tục điều chỉnh đối với các nội dung Viện được phép chủ động điều chỉnh:

- Hồ sơ sơ điều chỉnh gồm: Công văn đề nghị; Bản điều chỉnh; biên bản kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất (nếu có); ý kiến chuyên gia hoặc biên bản họp hội đồng tư vấn (nếu có); các giấy tờ minh chứng liên quan (nếu có);

- Chủ nhiệm nhiệm vụ gửi hồ sơ điều chỉnh về Viện (qua Ban KH, ĐT và HTQT). Sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, trong vòng 3 ngày làm việc Viện sẽ quyết định việc điều chỉnh.

Điều 14: Chấm dứt Hợp đồng/thời gian thực hiện nhiệm vụ KHCN

1. Chấm dứt hợp đồng/thời gian thực hiện nhiệm vụ KHCN đối với các trường hợp sau:

a) Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ KHCN là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng thực hiện trước thời hạn;

b) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ KHCN theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

c) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KHCN theo quy định pháp luật;

d) Cơ quan quản lý nhiệm vụ vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc nhiệm vụ không thể tiếp tục thực hiện: Do không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện của nhiệm vụ mà không có lý do chính đáng; Do không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của tổ chức chủ trì theo quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ đề nghị chấm dứt hợp đồng/thời gian: Đối với nhiệm vụ do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý thực hiện theo Điều 6 của mẫu hợp đồng được ban hành theo Thông tư 05/2014/TT-BKHCN ngày 10/4/2014; Đối với nhiệm vụ do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý, nhiệm vụ cấp cơ sở thực hiện theo khoản 2, Điều 16, Thông tư 43/2025/TT-BNNMT ngày 16/7/2025.

Điều 15. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN

1. Với các nhiệm vụ do Viện chủ trì, thủ trưởng đơn vị thực hiện tổ chức góp ý cho hồ sơ nghiệm thu tổng kết của nhiệm vụ trước khi trình Viện tổ chức hội đồng đánh giá cấp Viện.

2. Với các nhiệm vụ do đơn vị thuộc Viện chủ trì, thủ trưởng đơn vị chủ trì tổ chức hội đồng đánh giá hồ sơ nghiệm thu tổng kết nhiệm vụ theo quy định của từng loại hình nhiệm vụ và đơn vị chủ quản nhiệm vụ cụ thể.

Điều 16. Hồ sơ nghiệm thu nhiệm vụ KHCN

1. Hồ sơ nghiệm thu nhiệm vụ KHCN

a) Nhiệm vụ do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý, thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014.

b) Nhiệm vụ do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý, hồ sơ nghiệm thu gồm:

- Công văn đề nghị nghiệm thu của đơn vị theo Mẫu 40 ban hành kèm theo Thông tư 43/2025/TT-BNNMT ngày 16/7/2025;

- Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện của Tổ chức chủ trì theo Mẫu 41 ban hành kèm theo Thông tư 43/2025/TT-BNNMT ngày 16/7/2025;

- Báo cáo tổng kết theo Mẫu 42 ban hành kèm theo Thông tư 43/2025/TT-BNNMT ngày 16/7/2025;

- Báo cáo tóm tắt theo Mẫu 43 ban hành kèm theo Thông tư 43/2025/TT-BNNMT ngày 16/7/2025;

- Các sản phẩm khoa học của nhiệm vụ;

- Các văn bản liên quan gồm:Biên bản kiểm tra; báo cáo khoa học, kỹ thuật (nếu có); báo cáo định kỳ; hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; thuyết minh tổng thể nhiệm vụ đã được phê duyệt; số liệu gốc, nhật ký thí nghiệm, báo cáo khảo sát nước ngoài (nếu có), nhận xét của doanh nghiệp và địa phương (nếu có),...;

- Phương án nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm công nghệ, ứng dụng, thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu để đề nghị nhận giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Mẫu số 02/PA Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 63/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP.

c) Nhiệm vụ do các bộ khác và tỉnh quản lý, thực hiện theo quy định của các bộ, tỉnh cụ thể.

d) Nhiệm vụ cấp cơ sở do Viện quản lý, thực hiện như các nhiệm vụ do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý.

2. Nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu

a) Nhiệm vụ do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý, thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014.

b) Nhiệm vụ do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý, thực hiện theo Điều 17 Thông tư 43/2025/TT-BNNMT ngày 16/7/2025.

c) Nhiệm vụ do các bộ, ngành khác và các tỉnh quản lý, thực hiện theo quy định của các bộ, ngành và tỉnh cụ thể.

d) Nhiệm vụ cấp cơ sở do Viện quản lý, thực hiện như các nhiệm vụ do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý.

Điều 17. Giao nộp sản phẩm của các nhiệm vụ KHCN

1. Các nhiệm vụ do Bộ KH&CN, Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý, trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ được nghiệm thu ở mức "Đạt" trở lên, chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện việc giao nộp sản phẩm và lưu giữ hồ sơ như sau:

a. Đăng ký, lưu giữ kết quả tại Cục Thông tin, Thống kê thuộc Bộ Khoa học

và Công nghệ: Các nhiệm vụ do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý, thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Thông tư số 43/2025/TT-BNNMT ngày 16/7/2025của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Các nhiệm vụ do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KHCN và Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN ngày 26/3/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KHCN.

b. Đăng ký, lưu giữ kết quả tại Cục Chuyển đổi số trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Hồ sơ giao nộp được tiếp nhận trực tuyến tại Cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ

c. Nộp bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN sử dụng ngân sách nhà nước cho đơn vị được giao quản lý nhiệm vụ KHCN.

d. Nộp lưu giữ tại đơn vị thực hiện; Viện (Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế), Vụ Khoa học và Công nghệ, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm (đối với các đề tài, đề án, dự án do Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm quản lý), , một bộ hồ sơ gồm: báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ, các sản phẩm khoa học của nhiệm vụ (bản giấy và bản điện tử) và các văn bản có liên quan.

2. Nhiệm vụ do bộ, ngành khác và các tỉnh quản lý, thực hiện theo quy định của bộ, ngành và tỉnh cụ thể.

Điều 18. Lưu trữ hồ sơ nhiệm vụ KHCN

1. Các nhiệm vụ KHCN phải có trách nhiệm cung cấp thông tin hoạt động và kết quả của nhiệm vụ để đưa lên trang thông tin điện tử của Viện và phục vụ công tác triển lãm KHCN; tham gia thông tin quảng bá sản phẩm nghiên cứu thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hội thảo giới thiệu sản phẩm nghiên cứu.

2. Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu và kết quả của các nhiệm vụ do Viện thực hiện nhằm đáp ứng các yêu cầu tra cứu, quản lí, quảng bá và báo cáo.

Điều 19. Đăng ký bản quyền sở hữu trí tuệ sản phẩm KHCN

1. Khuyến khích các chủ nhiệm nhiệm vụ công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí trong nước và quốc tế, đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật, sở hữu trí tuệ.

2. Thủ tục đăng ký bản quyền sở hữu trí tuệ sản phẩm KHCN được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

3. Các tác giả (đồng tác giả) được hưởng mức thù lao theo quy định hiện hành.

Điều 20. Tổ chức phổ biến kết quả nghiên cứu, chuyển giao KHCN

Hằng năm, Viện, các tổ chức thuộc Viện và các chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN tổ chức hội nghị phổ biến hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao trong năm.

Chương IV

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN NHIỆM VỤ KHCN DO VIỆN KHHOA HỌC LÂM NGHIỆP VIỆT NAM CHỦ TRÌ

Điều 21. Cấp và sử dụng kinh phí

1. Việc cấp và sử dụng kinh phí được thực hiện theo Luật Ngân sách hiện hành.

2. Trường hợp không thực hiện đúng tiến độ và không sử dụng hết kinh phí trong năm tài chính, đơn vị thực hiện nhiệm vụ phải có văn bản báo cáo Viện hoặc báo cáo cơ quan quản lý kinh phí có liên quan để xử lý trước ngày 10 tháng 12 hằng năm.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ giải ngân, quyết toán tại đơn vị trên cơ sở kết quả nghiệm thu hằng năm trước ngày 25 tháng 12 và nộp bộ phận tài chính của đơn vị để quyết toán hằng năm. Nhiệm vụ chỉ được quyết toán khi đã được hội đồng nghiệm thu đánh giá từ mức đạt trở lên.

Điều 22. Quyết toán nhiệm vụ KHCN

Công tác báo cáo, quyết toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN sử dụng vốn nhà nước

Tài sản được hình thành thông qua việc triển khai nhiệm vụ KHCN sử dụng vốn nhà nước được quản lý theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN sử dụng vốn nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan; Luật Sở hữu trí tuệ, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc Hội; Quyết định số 990/QĐ-BNNMT ngày 21/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc Ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường và pháp luật có liên quan.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 24. Khen thưởng

1. Tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KHCN thực hiện tốt quy chế này được khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Nhiệm vụ KHCN được nghiệm thu xuất sắc hoặc có sản phẩm được công nhận là tiến bộ kỹ thuật, giải pháp hữu ích, cá nhân chủ nhiệm được đề nghị ưu tiên khi tham gia tuyển chọn, xét chọn các nhiệm vụ KHCN mới, được xét các hình thức thi đua cuối năm và nâng lương trước thời hạn.

Điều 25. Xử lý vi phạm

Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Quyền hạn và trách nhiệm của Viện

1. Viện có trách nhiệm thực hiện và quản lý có hiệu quả các nhiệm vụ KHCN được giao. Trong trường hợp nhiệm vụ được đánh giá ở mức "không đạt" phải có trách nhiệm xác định, thống nhất mức kinh phí thu hồi của các bên liên quan để thực hiện nghĩa vụ nộp hoàn trả ngân sách nhà nước.

2. Trực tiếp thực hiện việc triển khai các hoạt động KHCN để đạt được mục tiêu, sản phẩm đặt hàng, bảo đảm đúng thời gian quy định.

3. Tổ chức kiểm tra, tự đánh giá và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng về sản phẩm đặt hàng của Bộ; tính hợp lý, hợp pháp về kết quả và sử dụng kinh phí các hoạt động KHCN được giao.

5. Được hưởng quyền lợi về bản quyền tác giả đối với công trình khoa học do mình quản lý theo quy định của pháp luật và được sử dụng kinh phí quản lý nhiệm vụ KHCN theo quy định.

6. Định kỳ hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN theo quy định.

7. Báo cáo tài chính theo quy định hiện hành và chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu cho công tác thanh tra, kiểm tra và kiểm toán khi có yêu cầu.

8. Báo cáo kết quả sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước sau khi được giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng.

9. Cùng chủ nhiệm nhiệm vụ phối hợp với các bên liên quan tiến hành chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nhiệm vụ đã được đánh giá, nghiệm thu theo các quy định hiện hành.

10. Thực hiện đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ theo quy định tại Điều 16 của Quy chế này.

11. Báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp được giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

12. Hằng năm, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KHCN tổ chức hội nghị phổ biến hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao trong năm.

13. Thực hiện chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học theo đúng quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP và Luật chuyển giao công nghệ; Thực hiện công bố thông tin và báo cáo ứng dụng kết quả đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN.

14. Xem xét việc tham gia xét, tuyển chọn của tổ chức, cá nhân chủ trì chưa

giao nộp, đăng ký lưu giữ kết quả, gửi báo cáo ứng dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường xử lý theo quy định.

Điều 27. Quyền hạn và trách nhiệm của đơn vị thực hiện

1. Chịu trách nhiệm thực hiện và quản lý có hiệu quả các nhiệm vụ KHCN được giao; đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc Viện về sản phẩm của nhiệm vụ. Trong trường hợp nhiệm vụ được đánh giá ở mức "không đạt" đơn vị phải có trách nhiệm xác định, đề xuất với Viện mức kinh phí thu hồi của các bên liên quan (đơn vị, chủ nhiệm nhiệm vụ, các cá nhân trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ) để thực hiện nghĩa vụ nộp hoàn trả ngân sách nhà nước.

2. Trực tiếp tổ chức thực hiện việc triển khai các hoạt động KHCN để đạt được mục tiêu, sản phẩm đặt hàng, bảo đảm đúng thời gian quy định.

3. Tổ chức kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu nội bộ và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Viện và pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN.

4. Được hưởng quyền lợi về bản quyền tác giả đối với công trình khoa học do mình quản lý theo quy định của pháp luật và được sử dụng kinh phí quản lý nhiệm vụ KHCN theo quy định.

5. Định kỳ hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN theo quy định.

6. Báo cáo tài chính theo quy định hiện hành và chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu cho công tác thanh tra, kiểm tra và kiểm toán khi có yêu cầu.

7. Báo cáo kết quả nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN.

8. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Giám đốc Viện về tính hợp lý và hợp pháp của kết quả cũng như việc sử dụng kinh phí các hoạt động KHCN được giao.

Điều 28. Quyền hạn và trách nhiệm cá nhân chủ nhiệm

1. Thực hiện các nội dung của nhiệm vụ KHCN theo Thuyết minh đã được phê duyệt và hợp đồng đã ký kết, sử dụng kinh phí theo đúng quy định của pháp luật.

2. Báo cáo đầy đủ, đúng yêu cầu, đúng thời hạn về nội dung, tiến độ thực hiện, sản phẩm tạo ra và tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ KHCN.

3. Báo cáo tài chính theo quy định hiện hành và chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu cho công tác thanh tra, kiểm tra và kiểm toán khi có yêu cầu.

4. Được hưởng quyền lợi về bản quyền tác giả đối với công trình khoa học do mình tạo ra và chế độ phụ cấp theo quy định của pháp luật.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Giám đốc Viện về tính hợp lý, hợp pháp về kết quả và sử dụng kinh phí các hoạt động KHCN được giao.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2025.

2. Quy chế này thay thế cho các Quy định quản lý KHCN của Viện đã được ban hành trước đây.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Viện để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.